

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23-4-2018

V/v tranh chấp ly hôn giữa

Chị T với anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

2. Bà Phạm Thị Thu Trang.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đăng Phi, thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ tham gia phiên tòa:***
Bà Nguyễn Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 413/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Võ Thị T, sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp Lý Quàn II, xã Phú Ð, huyện Tân Phú Ð, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Lượng Văn T', sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 5, xã Bình T, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 9 năm 2017, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2017, bản tự khai ngày 06/11/2017, những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Võ Thị T trình bày:

Chị Võ Thị T và anh Lượng Văn T' tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, hai bên có đăng ký kết hôn theo luật định và được Ủy ban nhân dân xã Bình

T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/9/2006. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống có hạnh phúc, đến tháng 08/2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính T'hai bên không hòa hợp, anh T'không lo làm ăn, xây dựng gia đình, thường xuyên ăn nhậu và ghen tuông, chửi mắng, đánh đập vợ con. Chị T cố gắng hàn gắn, thuyết phục anh T'để xây dựng lại hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, từ đó, dẫn đến T'cảm vợ chồng không còn, kết quả hôn nhân không đặc được và vợ chồng ly thân từ tháng 8/2015 cho đến nay. Hiện tại chị T không còn T'cảm vợ chồng với anh T'nữa.

Tại tòa, chị Võ Thị T yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết những vấn đề sau đây:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết ly hôn với anh Lương Văn T'.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Lương Văn Xuyên, sinh ngày 23/12/2003, Lương Văn S, sinh ngày 13/3/2006. Hiện tại cả hai con chung đều đang sống chung với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi hai con chung, đồng thời, yêu cầu anh Lương Văn T'cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 650.000đ (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) cho mỗi đứa con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập hợp lệ nhưng anh T'từ chối tham gia tố tụng, bất hợp tác với Tòa án, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến gì thể hiện quan điểm trong vụ án ly hôn giữa chị Võ Thị T với anh Lương Văn T'.

* Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn Võ Thị T thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn Lương Văn T'không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 14, 56, 57, 81, 82 83, 84, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị T đối với anh Lượng Văn T'.

Về con chung: Chị Võ Thị T được tiếp tục nuôi con chung tên là Lượng Văn Xuyên, sinh ngày 23/12/2003, Lượng Văn S, sinh ngày 13/3/2006 nhằm để đảm bảo sự phát triển bình thường của các cháu. Anh Lượng Văn T' là người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T' mỗi tháng là 650.000đ (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) cho mỗi đứa con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị T khai không có, anh T' cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lượng Văn T' đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà anh T' vắng mặt không có lý do cho nên xét xử vắng mặt anh T' là phù hợp với Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị T và anh Lượng Văn T' tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, đồng thời hai bên có đăng ký kết hôn theo luật định nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc, đến tháng 8/2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được. Vợ chồng chị T và anh T' sống ly thân từ tháng 8/2015 cho đến nay. Kể từ khi sống ly thân, chị T và anh T' ai cũng có cuộc sống riêng và không quan tâm đến nhau, đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Mặt khác, trong quá trình tố tụng anh T' từ chối tham gia tố tụng và không có thiện chí hàn gắn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị T và anh T' rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên là Lượng Văn Xuyên, sinh ngày 23/12/2003, Lượng Văn S, sinh ngày 13/3/2006. Hiện tại các con chung đều do chị T nuôi dưỡng và phát triển bình thường, do đó cần giao các con chung cho chị T nuôi dưỡng nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường của trẻ, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của cháu Xuyên, cháu Sung và phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Lượng Văn T'phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T mỗi tháng là 650.000đ (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) cho mỗi người con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai không có, anh T'không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến gì nên không xét đến.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí. Chị Võ Thị T và anh Lượng Văn T'mỗi người phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí.

Xử:

1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị T và anh Lượng Văn T'.

2/ Về con chung: Giao 02 con chung tên là Lượng Văn Xuyên, sinh ngày 23/12/2003, Lượng Văn S, sinh ngày 13/3/2006 cho chị Võ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Lượng Văn T'phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Võ Thị T mỗi tháng là 650.000đ (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) cho mỗi người con.

Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 23/4/2018) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh T'không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T'trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và theo yêu cầu của chị T, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Lượng Văn T'phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Chị Võ Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006085 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ. Vậy, chị T đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ.
- UBND xã Bình T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hữu Lương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

